

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	05-35
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10-35

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Ủy viên
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành	
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/07/2021
Ông Lại Thị Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/07/2021
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phương	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Anh Tú

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2021



Số: 280821.003/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 25 tháng 08 năm 2021, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		94,272,389,347	96,716,549,785
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	10,324,950,513	7,049,647,253
111	1. Tiền		7,824,950,513	3,549,647,253
112	2. Các khoản tương đương tiền		2,500,000,000	3,500,000,000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	49,412,416,174	51,627,341,090
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		49,412,416,174	51,627,341,090
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		33,339,497,027	36,333,569,927
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	8,795,722,529	12,415,177,001
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	13,568,082,985	16,450,544,095
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	9,735,000,000	400,000,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1,448,184,739	7,067,848,831
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(207,493,226)	-
140	IV. Hàng tồn kho	10	816,703,410	959,446,732
141	1. Hàng tồn kho		816,703,410	959,446,732
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		378,822,223	746,544,783
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	33,151,925
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		378,822,223	713,392,858
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		130,859,055,467	124,072,706,380
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		34,082,000,000	34,001,000,000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	34,000,000,000	34,000,000,000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	82,000,000	1,000,000
220	II. Tài sản cố định		26,819,412,807	15,326,787,995
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	22,934,741,800	11,367,411,780
222	- Nguyên giá		54,210,227,591	40,507,477,131
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(31,275,485,791)	(29,140,065,351)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	3,884,671,007	3,959,376,215
228	- Nguyên giá		6,691,637,997	6,691,637,997
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2,806,966,990)	(2,732,261,782)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	27,049,272,249	27,447,498,811
231	- Nguyên giá		52,456,972,189	52,456,972,189
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(25,407,699,940)	(25,009,473,378)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		3,020,466,830	11,210,042,597
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	3,020,466,830	11,210,042,597
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	38,634,795,974	36,087,376,977
251	1. Đầu tư vào công ty con		40,200,000,000	40,200,000,000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4,700,000,000	4,700,000,000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		659,699,200	159,699,200
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(6,924,903,226)	(8,972,322,223)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1,253,107,607	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	1,253,107,607	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		225,131,444,814	220,789,256,165

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		23,205,624,565	23,429,566,223
310	I. Nợ ngắn hạn		19,796,963,160	20,519,595,313
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	7,607,702,140	9,375,189,910
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		35,440,000	35,440,000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	1,159,005,789	38,083,762
314	4. Phải trả người lao động		973,555,000	1,038,297,165
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	18	8,775,115,365	8,572,606,611
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	527,239,091	727,492,727
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		718,905,775	732,485,138
330	II. Nợ dài hạn		3,408,661,405	2,909,970,910
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	3,408,661,405	2,909,970,910
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		201,925,820,249	197,359,689,942
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	201,925,820,249	197,359,689,942
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		61,725,230,000	61,725,230,000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		61,725,230,000	61,725,230,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		137,662,054,443	137,662,054,443
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2,140,945,047	2,140,945,047
415	4. Cổ phiếu quỹ		(11,666,581,607)	(11,666,581,607)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		2,243,857,861	2,243,857,861
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9,820,314,505	5,254,184,198
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		5,254,184,198	615,756,943
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		4,566,130,307	4,638,427,255
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		225,131,444,814	220,789,256,165


Nguyễn Thị Xuân
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	40,688,787,649	22,365,798,237
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		3,627,450	59,337,220
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		40,685,160,199	22,306,461,017
11	4. Giá vốn hàng bán	23	31,731,035,727	17,985,716,981
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8,954,124,472	4,320,744,036
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1,803,705,261	2,941,438,530
22	7. Chi phí tài chính	25	(1,792,497,312)	4,937,982
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		254,921,685	-
25	8. Chi phí bán hàng	26	1,402,049,990	1,109,637,593
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	5,441,407,061	4,009,443,315
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5,706,869,994	2,138,163,676
31	11. Thu nhập khác		792,890	10,552,242
32	12. Chi phí khác		-	197
40	13. Lợi nhuận khác		792,890	10,552,045
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5,707,662,884	2,148,715,721
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	1,141,532,577	429,743,144
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4,566,130,307	1,718,972,577



Nguyễn Thị Xuân
Người lậpNguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởngHoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5,707,662,884	2,148,715,721
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2,608,352,210	2,033,442,379
03	- Các khoản dự phòng		(1,839,925,771)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1,560,561,598)	(2,945,608,008)
06	- Chi phí lãi vay		254,921,685	
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5,170,449,410	1,236,550,092
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		3,560,610,891	21,482,580,315
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		142,743,322	1,269,469,711
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1,614,082,639)	2,699,016,488
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1,219,955,682)	85,377,193
14	- Tiền lãi vay đã trả		(254,921,685)	
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(22,666,562)	(413,872,642)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13,579,363)	(123,477,000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5,748,597,692	26,235,644,157
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(7,319,677,297)	(626,408,779)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	9,090,909
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(6,620,075,084)	(38,196,968,193)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		4,500,000,000	2,600,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(500,000,000)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7,181,603,620	2,347,076,963
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2,758,148,761)	(33,867,209,100)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		4,842,536,363	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(4,544,099,504)	-
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(13,582,530)	(12,073,360)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		284,854,329	(12,073,360)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		3,275,303,260	(7,643,638,303)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		7,049,647,253	12,549,493,804
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>10,324,950,513</u>	<u>4,905,855,501</u>



Nguyễn Thị Xuân
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 61.725.230.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 61.725.230.000 đồng; tương đương 6.172.523 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 48 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 50 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu bao bì và cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất ngành in, ngành bao bì giấy, ngành bao bì nhựa, ngành khăn giấy;
- Sản xuất ngành hóa chất nhựa, hạt nhựa màu;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất băng đĩa nhạc;
- Kinh doanh thương mại, dịch vụ;
- Kinh doanh cho thuê mặt bằng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Xí nghiệp In Tổng hợp Alta

Xí nghiệp In Đa phương tiện

Trung tâm giải trí, rạp Cinemax

Địa chỉ

Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính

In ấn

In ấn, sản xuất phim

Trung tâm giải trí, rạp 3D-4D

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Công ty và các Công ty con.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, Công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất	40 - 50	năm
- Phần mềm quản lý	04 - 06	năm

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
--------------------------	---------	-----

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN kỳ kế toán hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	388,858,367	975,420,240
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7,436,092,146	2,574,227,013
Các khoản tương đương tiền	2,500,000,000	3,500,000,000
	10,324,950,513	7,049,647,253

Tại ngày 30/06/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 2,5 tỷ VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,8%/năm đến 3,1 %/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	49,412,416,174	-	51,627,341,090	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	49,412,416,174	-	51,627,341,090	-
	49,412,416,174	-	51,627,341,090	-

Tại ngày 30/06/2021, các khoản đầu tư tài chính nắm giữ tới ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng có giá trị 49.412.416.174 được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,1% đến 6,7%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	40,200,000,000		(6,924,903,226)	40,200,000,000		(8,972,322,223)
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	20,000,000,000		-	20,000,000,000		-
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	20,000,000,000		(6,724,903,226)	20,000,000,000		(8,772,322,223)
- Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc	200,000,000		(200,000,000)	200,000,000		(200,000,000)
Đầu tư vào Công ty liên kết	4,700,000,000		-	4,700,000,000		-
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	4,700,000,000		-	4,700,000,000		-
Đầu tư vào đơn vị khác	659,699,200	801,737,492	-	159,699,200	185,673,600	-
- Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai - DPP (11.052 cổ phiếu) (*)	100,199,200	204,462,000	-	100,199,200	185,673,600	-
- Công ty Cổ phần Giấy Lệ Hoa (5.450 cổ phiếu)	59,500,000		-	59,500,000		-
- Chứng chỉ Quỹ đầu tư cổ phiếu Hưng Thịnh (VEOF) (**)	500,000,000	597,275,492	-	-	-	-
	45,559,699,200	801,737,492	(6,924,903,226)	45,059,699,200	185,673,600	(8,972,322,223)

(*) Khoản đầu tư được xác định giá trị hợp lý theo giá đóng cửa của cổ phiếu DPP trên sàn UpCOM tại ngày 30/06/2021 và ngày 31/12/2020;

(**) Khoản đầu tư được xác định giá trị hợp lý theo giá trị tài sản ròng tại Báo cáo giá trị tài sản ròng tại ngày 30/06/2021;

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính còn lại do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2021 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Sản xuất và dịch vụ
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Công nghệ thông tin

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2021 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47.00%	47.00%	In ấn và quảng cáo

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2021</u>		<u>01/01/2021</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	-	-	2,953,653,064	-
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	5,156,963,728	-	4,176,158,436	-
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	2,479,392,965	-	3,881,887,028	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	1,159,365,836	(207,493,226)	1,403,478,473	-
	<u>8,795,722,529</u>	<u>(207,493,226)</u>	<u>12,415,177,001</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Novahomes An Phú	4,783,380,981	-	4,783,380,981	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Nova	7,154,807,687	-	5,734,144,869	-
Công Ty Cổ Phần Novareal	1,175,519,360	-	789,679,574	-
Trả trước cho người bán khác	454,374,957	-	5,143,338,671	-
	13,568,082,985	-	16,450,544,095	-

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

a)	Ngắn hạn	30/06/2021		01/01/2021	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
	Trường Trung học Cơ sở Và Trung học Phổ thông Nhân Văn (1)	400,000,000	-	400,000,000	-
	Bà Đào Thị Chen (2)	800,000,000	-	-	-
	Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc (3)	8,535,000,000	-	-	-
		9,735,000,000	-	400,000,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

b) Dài hạn

Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc (4)	15,000,000,000	-	15,000,000,000	-
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc (5)	5,500,000,000	-	5,500,000,000	-
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc (6)	13,500,000,000	-	13,500,000,000	-
	34,000,000,000	-	34,000,000,000	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

(1) Hợp Đồng Cho Vay Vốn số 01/05/2019 HDCVV ngày 27/05/2019 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 28/05/2020 giữa Công ty và Trường THCS và THPT Nhân Văn với các điều khoản chi tiết sau:

- + Tổng số tiền cho vay: 1.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Sử dụng cho hoạt động thường xuyên;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 400.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

(2) Hợp đồng cho vay vốn số 01/04/2021/HĐCVV và phụ lục ngày 23/04/2021 được ký kết giữa Công ty và bà Đào Thị Chen với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 800.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: Đến ngày 23/08/2021;
- + Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 800.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

(3) Hợp đồng cho vay vốn số 01/01/2021-HĐCVV và phụ lục hợp đồng số 01-2021 giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
- + Ngày nhận tiền: 01/01/2021;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày nhận tiền;
- + Lãi suất cho vay: 6,5%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 8.535.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (4) Bao gồm hợp đồng cho vay số 02/06/HĐCVV/MEDIAS ngày 30/6/2018 & HĐ cho vay số 01/06/HĐCVV/MEDIAS ngày 23/08/2018 được ký kết giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền cho vay: 15.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
 - + Ngày nhận tiền: 30/06/2018 & 23/08/2018;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 5 năm kể từ ngày nhận tiền;
 - + Lãi suất cho vay: 5,5%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 15.000.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (5) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền cho vay: 10.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
 - + Ngày nhận tiền: 15/04/2020;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 3 năm kể từ ngày nhận tiền;
 - + Lãi suất cho vay: 8,5%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 5.500.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (6) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc với các điều khoản chi tiết sau:
- (i) Hợp đồng vay vốn ngày 02/03/2020 với điều khoản như sau:
- + Số tiền vay : 10.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 3 năm kể từ ngày nhận tiền;
 - + Lãi suất cho vay: 6%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 10.000.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (ii) Hợp đồng vay vốn ngày 07/01/2020 với điều khoản như sau:
- + Tổng số tiền cho vay: 3.500.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 3 năm kể từ ngày nhận tiền;
 - + Lãi suất cho vay: 6%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 3.500.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1,252,000,000	-	5,752,000,000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	172,712,604	-	1,293,754,626	-
Phải thu khác	23,472,135	-	22,094,205	-
	1,448,184,739	-	7,067,848,831	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

b) Dài hạn	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	1,000,000	-	1,000,000	-
Phải thu khác	81,000,000	-	-	-
	82,000,000	-	1,000,000	-

9 . NỢ XẤU

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán				
- Công ty TNHH Bán lẻ Phương Nam	100,346,747	-	100,346,747	100,346,747
- Công ty Cổ phần Văn Hóa Nhân Văn	35,345,200	-	35,345,200	35,345,200
- Nhà Sách Nguyễn Văn Cừ 1	19,426,500	-	19,426,500	19,426,500
- Đối tượng khác	52,374,779	-	52,374,779	52,374,779
	207,493,226	-	207,493,226	207,493,226

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	739,763,079	-	782,524,381	-
Công cụ, dụng cụ	6,922,545	-	6,122,545	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	29,910,048	-
Thành phẩm	6,323,786	-	55,889,758	-
Hàng hoá	63,694,000	-	85,000,000	-
	816,703,410	-	959,446,732	-

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	-	7,290,473,693
- Dự án đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời	-	7,290,473,693
Mua sắm tài sản cố định	2,690,358,106	2,690,358,106
- Mua sắm căn hộ SR.E1A-04.10 (*)	2,690,358,106	2,690,358,106
Sửa chữa lớn tài sản cố định	330,108,724	1,229,210,798
- Chi phí sửa chữa tòa nhà văn phòng	330,108,724	882,385,560
- Chi phí sửa chữa trung tâm Unique	-	346,825,238
	3,020,466,830	11,210,042,597

(*) Các khoản chi phí liên quan đến việc mua căn hộ tại dự án Sunrise Riverside Nhà Bè với mục đích cho chuyên gia nước ngoài thuê. Tính tới thời điểm 30/06/2021, công trình đang trong giai đoạn hoàn thiện nội thất đưa vào sử dụng.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	23,326,876,733	11,320,497,723	5,209,359,400	650,743,275	40,507,477,131
- Mua trong kỳ	-	165,942,500	-	-	165,942,500
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	13,536,807,960	-	-	-	13,536,807,960
Số dư cuối kỳ	36,863,684,693	11,486,440,223	5,209,359,400	650,743,275	54,210,227,591
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	16,783,746,058	8,874,488,622	2,863,698,805	618,131,866	29,140,065,351
- Khấu hao trong kỳ	1,401,679,523	388,421,400	312,708,108	32,611,409	2,135,420,440
Số dư cuối kỳ	18,185,425,581	9,262,910,022	3,176,406,913	650,743,275	31,275,485,791
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	6,543,130,675	2,446,009,101	2,345,660,595	32,611,409	11,367,411,780
Tại ngày cuối kỳ	18,678,259,112	2,223,530,201	2,032,952,487	-	22,934,741,800

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 11.403.160.951 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 30.984.120.064 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6,237,885,093	453,752,904	6,691,637,997
Số dư cuối kỳ	6,237,885,093	453,752,904	6,691,637,997
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2,278,508,878	453,752,904	2,732,261,782
- Khấu hao trong kỳ	74,705,208	-	74,705,208
Số dư cuối kỳ	2,353,214,086	453,752,904	2,806,966,990
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	3,959,376,215	-	3,959,376,215
Tại ngày cuối kỳ	3,884,671,007	-	3,884,671,007

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà Alta Plaza có địa chỉ tại đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng với mục đích cho thuê với nguyên giá là 52.456.972.189 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2021 là 25.407.699.940 đồng, trong đó khấu hao trong kỳ là 398.226.562 đồng.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	1,243,357,602	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	9,750,005	-
	1,253,107,607	-

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	1,692,841,609	1,692,841,609	8,050,781,653	8,050,781,653
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	4,182,407,294	4,182,407,294	518,275,963	518,275,963
- Đối tượng khác	1,732,453,237	1,732,453,237	806,132,294	806,132,294
	7,607,702,140	7,607,702,140	9,375,189,910	9,375,189,910

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	1,077,772,203	1,077,772,203	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	38,513,335	38,513,335	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	22,666,562	1,141,532,577	22,666,562	-	1,141,532,577
Thuế Thu nhập cá nhân	-	15,417,200	114,132,230	112,076,218	-	17,473,212
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	34,057,149	34,057,149	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	6,365,000	6,365,000	-	-
	-	38,083,762	2,412,372,494	1,291,450,467	-	1,159,005,789

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	35,589,100	12,343,980
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7,131,832,872	6,936,832,872
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	74,856,290	88,438,820
- Quỹ phải trả người lao động	1,073,555,442	1,073,555,442
- Tiền thưởng Ban Điều hành	420,915,454	420,915,454
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	38,366,207	40,520,043
	8,775,115,365	8,572,606,611

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

19 . VAY

	01/01/2021		Trong kỳ		30/06/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay đến hạn trả	727,492,727	727,492,727	363,746,364	564,000,000	527,239,091	527,239,091
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	727,492,727	727,492,727	363,746,364	564,000,000	527,239,091	527,239,091
	727,492,727	727,492,727	363,746,364	564,000,000	527,239,091	527,239,091
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	3,637,463,637	3,637,463,637	4,842,536,363	4,544,099,504	3,935,900,496	3,935,900,496
	3,637,463,637	3,637,463,637	4,842,536,363	4,544,099,504	3,935,900,496	3,935,900,496
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(727,492,727)	(727,492,727)	-	-	(527,239,091)	(527,239,091)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	2,909,970,910	2,909,970,910			3,408,661,405	3,408,661,405

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Hợp đồng cấp tín dụng số 1367/TBN-KDN/20DH ngày 03 tháng 12 năm 2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình, với các điều khoản chi tiết sau:

+ Hạn mức tín dụng: 8.480.000.000 đồng;

+ Mục đích vay: Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái tại Lô II-3, Nhóm Công Nghiệp II, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng;

+ Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ và điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ lần;

+ Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 3.935.900.496 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là: 527.239.091 VND;

+ Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	2,243,857,861	6,198,860,497	198,304,366,241
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	1,718,972,577	1,718,972,577
Số dư cuối kỳ trước	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	2,243,857,861	7,917,833,074	200,023,338,818
Số dư đầu năm nay	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	2,243,857,861	5,254,184,198	197,359,689,942
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	4,566,130,307	4,566,130,307
Số dư cuối kỳ này	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	2,243,857,861	9,820,314,505	201,925,820,249

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	10,512,440,000	17.0%	10,512,440,000	17.0%
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	7,602,110,000	12.3%	7,602,110,000	12.3%
Ông Hoàng Văn Điều	5,788,600,000	9.4%	5,788,600,000	9.4%
Bà Lại Thị Hồng Diệp	3,558,630,000	5.8%	3,558,630,000	5.8%
Ông La Thế Nhân	2,955,500,000	4.8%	2,955,500,000	4.8%
Các cổ đông khác	26,949,810,000	43.7%	26,949,810,000	43.7%
Cổ phiếu quỹ	4,358,140,000	7.1%	4,358,140,000	7.1%
	61,725,230,000	100%	61,725,230,000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	61,725,230,000	61,725,230,000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<u>61,725,230,000</u>	<u>61,725,230,000</u>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<u>61,725,230,000</u>	<u>61,725,230,000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	88,438,820	70,563,240
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(13,582,530)	(12,073,360)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	(13,582,530)	(12,073,360)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<u>74,856,290</u>	<u>58,489,880</u>

d) Cổ phiếu

	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6,172,523	6,172,523
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	6,172,523	6,172,523
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6,172,523	6,172,523
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	435,814	435,814
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	435,814	435,814
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,736,709	5,736,709
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5,736,709	5,736,709
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2,243,857,861	2,243,857,861
	<u>2,243,857,861</u>	<u>2,243,857,861</u>

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng, mặt bằng theo hợp đồng cho thuê hoạt động

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty được Nhà nước cho thuê một số lô đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Ngoại tệ các loại

	30/06/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	714.69	721.29

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

d) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Đình Phong	26,000,000	26,000,000
- Công Ty Cổ Phần Mỹ Thuật Sen Việt	44,911,543	44,911,543

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>06 tháng đầu năm 2021</u>	<u>06 tháng đầu năm 2020</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	3,651,543,830	1,122,346,214
Doanh thu bán hàng hóa	10,402,364,470	14,185,647,137
Doanh thu cung cấp dịch vụ	26,634,879,349	7,057,804,886
	<u>40,688,787,649</u>	<u>22,365,798,237</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>06 tháng đầu năm 2021</u>	<u>06 tháng đầu năm 2020</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3,604,274,124	1,331,102,665
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10,367,706,843	13,877,736,094
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17,759,054,760	2,776,878,222
	<u>31,731,035,727</u>	<u>17,985,716,981</u>

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>06 tháng đầu năm 2021</u>	<u>06 tháng đầu năm 2020</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1,560,561,598	2,936,517,099
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	243,143,663	4,921,431
	<u>1,803,705,261</u>	<u>2,941,438,530</u>

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>06 tháng đầu năm 2021</u>	<u>06 tháng đầu năm 2020</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	254,921,685	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	4,937,982
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(2,047,418,997)	-
	<u>(1,792,497,312)</u>	<u>4,937,982</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	70,949,470	56,123,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,330,805,975	1,049,986,462
Chi phí khác bằng tiền	294,545	3,528,131
	<u>1,402,049,990</u>	<u>1,109,637,593</u>

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14,276,427	13,838,460
Chi phí nhân công	2,281,745,295	2,199,747,589
Chi phí khấu hao tài sản cố định	677,747,102	503,003,624
Thuế, phí, lệ phí	40,422,149	37,147,113
Chi phí dự phòng	207,493,226	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,351,028,004	761,998,154
Chi phí khác bằng tiền	868,694,858	493,708,375
	<u>5,441,407,061</u>	<u>4,009,443,315</u>

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5,707,662,884	2,148,715,721
Thu nhập chịu thuế TNDN	5,707,662,884	2,148,715,721
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>1,141,532,577</u>	<u>429,743,144</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	22,666,562	433,872,642
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(22,666,562)	(413,872,642)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	<u>1,141,532,577</u>	<u>449,743,144</u>

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10,801,601,597	1,201,839,843
Chi phí nhân công	3,921,816,385	3,395,970,077
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,608,352,210	2,033,442,379
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,892,086,219	4,191,011,445
Chi phí khác bằng tiền	982,929,524	869,508,619
	<u>28,206,785,935</u>	<u>11,691,772,363</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10,324,950,513	-	7,049,647,253	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10,325,907,268	(207,493,226)	19,484,025,832	-
Các khoản cho vay	93,147,416,174	-	86,027,341,090	-
Đầu tư dài hạn	600,199,200	-	100,199,200	-
	114,398,473,155	(207,493,226)	112,661,213,375	-
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			3,935,900,496	3,637,463,637
Phải trả người bán, phải trả khác			16,382,817,505	17,947,796,521
			20,318,718,001	21,585,260,158

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2021				
Đầu tư dài hạn	-	659,699,200	-	659,699,200
	<u>-</u>	<u>659,699,200</u>	<u>-</u>	<u>659,699,200</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Đầu tư dài hạn	-	100,199,200	-	100,199,200
	<u>-</u>	<u>100,199,200</u>	<u>-</u>	<u>100,199,200</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10,324,950,513	-	-	10,324,950,513
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10,036,414,042	82,000,000	-	10,118,414,042
Các khoản cho vay	59,147,416,174	34,000,000,000	-	93,147,416,174
	<u>79,508,780,729</u>	<u>34,082,000,000</u>	<u>-</u>	<u>113,590,780,729</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7,049,647,253	-	-	7,049,647,253
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19,483,025,832	1,000,000	-	19,484,025,832
Các khoản cho vay	52,027,341,090	34,000,000,000	-	86,027,341,090
	78,560,014,175	34,001,000,000	-	112,561,014,175

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2021				
Vay và nợ	527,239,091	3,408,661,405	-	3,935,900,496
Phải trả người bán, phải trả khác	16,382,817,505	-	-	16,382,817,505
	16,910,056,596	3,408,661,405	-	20,318,718,001
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	727,492,727	2,909,970,910	-	3,637,463,637
Phải trả người bán, phải trả khác	17,947,796,521	-	-	17,947,796,521
	18,675,289,248	2,909,970,910	-	21,585,260,158

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**


	Hoạt động sản xuất và thương mại	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	14,050,280,850	26,634,879,349	40,685,160,199
Chi phí bộ phận trực tiếp	13,971,980,967	17,759,054,760	31,731,035,727
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	78,299,883	8,875,824,589	8,954,124,472
Tổng chi phí mua TSCĐ	7,319,677,297	-	7,319,677,297
Tài sản bộ phận trực tiếp	65,112,121,785	123,431,946,052	188,544,067,837
Tài sản không phân bổ			36,587,376,977
Tổng tài sản	65,112,121,785	123,431,946,052	225,131,444,814
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	7,765,600,844	14,721,117,946	22,486,718,790
Nợ phải trả không phân bổ			718,905,775
Tổng nợ phải trả	7,765,600,844	14,721,117,946	23,205,624,565


Theo khu vực địa lý


Do toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.


Nguyễn Thị Xuân
Người lập


Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng


Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2021